

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam An

Ngày 11 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tẻ	Sữa bột Nuvi	Sữa bột Nuvi	Cháo tằm, thịt lợn hạt sen
Thịt gà xào giá đỗ, cải ngọt	Grow School	Grow School	
Trứng hấp thịt lợn	Grow School	Cháo tằm, thịt lợn	
Canh khoai tây cà rốt, thịt bò	Grow School	hạt sen	

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	123	20,000	2,460,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	35	20,000	700,000	
	TỔNG	158		3,160,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	Mẫu giáo		Nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo tẻ	21000	12.4	260400	2.5	52500	14.9	312900
2	Trứng gà	70000	4.2	294000	0.5	35000	4.7	329000
3	Thịt mỡ sấn	140000	3.8	532000	1.2	168000	5	700000
4	Giá đỗ	19000	1.3	24700	0.4	7600	1.7	32300
5	Cải ngọt	25000	2.4	60000	0.3	7500	2.7	67500
6	Thịt gà	75000	1.5	112500	0.2	15000	1.7	127500
7	Khoai tây	23000	2.9	66700	0.3	6900	3.2	73600
8	Cà rốt	20000	0.8	16000	0.1	2000	0.9	18000
9	Thịt bò	285000	1.1	313500	0.2	57000	1.3	370500
10	Tôm biển	290000	0.4	116000	0.5	145000	0.9	261000
11	Hạt sen	220000	0.06	13200	0.04	8800	0.1	22000
12	Đỗ xanh	55000	0.2	11000	0.1	5500	0.3	16500
13	Bí ngô	20000	1	20000	0.2	4000	1.2	24000
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000

15	Sữa bột Nuvi	260000	2	520000	0.6	156000	2.6	676000
16	Dầu ăn	75000	0.9	67500	0.2	15000	1.1	82500
17	Nước mắm	40000	0.3	12000	0.1	4000	0.4	16000
18	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
19	Muối	6500	0.2	1300	0.1	650	0.3	1950
20	Hạt nêm	71000	0.2	14200	0.1	7100	0.3	21300
	Cộng tiền			2461000		699050		3160050

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 3,160,000
- Số tiền đã chi: 3160050
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -50

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam Nghĩa

Ngày 11 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Cháo tôm, thịt lợn hạt sen
Thịt gà xào giá đỗ, cải ngọt		Cháo tôm, thịt lợn hạt sen	
Trứng hấp thịt lợn			
Canh khoai tây ca rốt, thịt bò			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	137	20,000	2,740,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	53	20,000	1,060,000	
	TỔNG	190		3,800,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	13.8	289800	2.7	56700	16.5	346500
2	Trứng gà	70000	4.5	315000	0.7	49000	5.2	364000
3	Thịt môn sấn	140000	4.2	588000	1.9	266000	6.1	854000
4	Giá đỗ	19000	1.3	24700	0.6	11400	1.9	36100
5	Cải ngọt	25000	2.4	60000	0.6	15000	3	75000
6	Thịt gà	75000	1.6	120000	0.4	30000	2	150000
7	Khoai tây	23000	3	69000	0.5	11500	3.5	80500
8	Cà rốt	20000	0.8	16000	0.2	4000	1	20000
9	Thịt bò	285000	1.2	342000	0.2	57000	1.4	399000
10	Tôm biển	290000	0.6	174000	0.9	261000	1.5	435000
11	Hạt sen	220000	0.06	13200	0.04	8800	0.1	22000

12	Đỗ xanh	55000	0.2	11000	0.1	5500	0.3	16500
13	Bí ngô	20000	1.3	26000	0.7	14000	2	40000
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.02	800	0.1	4000
15	Sữa bột Nuvi	260000	2.2	572000	0.9	234000	3.1	806000
16	Dầu ăn	75000	1	75000	0.3	22500	1.3	97500
17	Nước mắm	40000	0.4	16000	0.1	4000	0.5	20000
18	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
19	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
20	Hạt nêm	71000	0.3	21300	0.1	7100	0.4	28400
	Cộng tiền			2740950		1059650		3800600

IV. PHẦN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 3,800,000
- Số tiền đã chi: 3800600
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -600